

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 31-3-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Hiền  
*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Sơn Thạch.
2. Ông Nguyễn Thế Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 369/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Mai Kiều T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ A, Thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Lê Thanh N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ A, Thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:**

Bà Mai Kiều T và ông Lê Thanh N quen nhau và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, bà T, ông N có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T, huyện Tân T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/2015 ngày 06 tháng 10 năm 2015.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề trong cuộc sống, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông N đã tự ý chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Mai Kiều T và ông Lê Thanh N có 01 người con chung là Lê Phương N, sinh ngày 16/5/2017. Bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn:* Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vẫn không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để thuyết phục động viên các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau. Sau nhiều lần vắng mặt, đại diện Tòa án cũng đã phối hợp với đại diện địa phương đến nơi cư trú của ông N để làm rõ tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông N và tìm hiểu nguyên nhân vắng mặt của ông N nhưng không gặp được ông N.

Qua xác minh tại địa phương: Công an xã T cung cấp: Ông Lê Thanh N có đăng ký hộ khẩu tại tổ A, thôn C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề N Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông N.

Về con chung: Giao con chung là Lê Phương N, sinh ngày 16/5/2017 cho bà T nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua Nền cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Mai Kiều T và ông Lê Thanh N tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà T, ông N đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là thị xã P), giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/2015 ngày 06 tháng 10 năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông N nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không còn tình cảm, tôn trọng đối với nhau, bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã và xô xát nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà T, ông N đã tự sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà T, ông N đoàn tụ nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông N không có thiện chí hòa giải và không mong muốn tiếp tục chung sống với bà T nữa. Riêng bà T vẫn cương quyết ly hôn với ông N. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà T, ông N đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà T với ông N.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T, ông N có 01 người con chung là Lê Phương N, sinh ngày 16/5/2017. Bà T có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu T là nữ, mới hơn 5 tuổi và thực tế hiện nay cháu đang ở với bà T. Vì vậy xét cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Kiều T. Bà Mai Kiều T được ly hôn với ông Lê Thanh N

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Phương N, sinh ngày 16/5/2017 cho bà Mai Kiều T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Buộc ông Lê Thanh N phải giao con chung là Lê Phương N, sinh ngày 16/5/2017 cho bà Mai Kiều T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, ông Lê Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Mai Kiều T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005589 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà T đã nộp xong án phí .

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH:UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Văn Thị Hiền**

